TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 4 năm 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Liêu Tài Ngoánh

Ông Huỳnh Tài Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Bích N - sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố B

, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Hoàng L - sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp 16, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Bích N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 tại ấp 16, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 25/5/2019. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình và ly thân với nhau cho đến nay. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Ngọc Đan T, sinh ngày 29/5/2020, hiện cháu T đang sống với chị N. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Mai Hoàng L, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh L theo quy định, nhưng anh L không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cho anh L; anh L cũng không có mặt tham gia tố tụng tại Tòa trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án; anh L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:* - Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bích N, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh L. Về con chung, đề nghị giao 01 con chung tên Mai Ngọc Đan T, sinh ngày 29/5/2020 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng không đặt ra giải quyết do chị N không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận:

Về tố tụng:

Chị N yêu cầu ly hôn với anh L, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh L cư trú tại xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị N có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh L.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm năm 2019 tại ấp 16, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 25/5/2019, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Theo chị N, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do không hợp lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và ly thân với nhau

từ năm 2022 đến nay, nay chị N xác định không còn tình cảm với anh L nữa, nên cương quyết yêu cầu ly hôn. Tòa án đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho anh L, nhưng anh L không quan tâm, quá trình giải quyết vụ án anh L không lần nào đến Tòa án làm việc và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình, nhưng nay chị N cương quyết xin ly hôn với anh L, mà anh L không có thiện chí hòa giải cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ sự mâu thuẫn, rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của anh chị không có khả năng hàn gắn lại được. Mặt khác, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, chị N yêu cầu được ly hôn và xác định không thể tiếp tục chung sống với anh L thì việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh L.

[2] Về con chung: Chị N và anh L quá trình chung sống có 01 con chung tên Mai Ngọc Đan T, sinh ngày 29/5/2020 hiện cháu T đang sống với chị N. Ngoài ra, chị N và anh L không còn con chung nào khác. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu T chưa đủ 07 tuổi, hiện nay cháu T đang sống cùng chị N. Chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng Thanh, anh L không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó để đảm bảo sự phát triển ổn định về mặt tâm sinh lý, cũng như quá trình sinh hoat và học tập của cháu T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu T cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Mai Ngọc Đan T, sinh ngày 29/5/2020 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh L có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Bích N phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ các phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Bích N đối với anh Mai Hoàng L. Xử cho chị Nguyễn Bích N được ly hôn với anh Mai Hoàng L.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Ngọc Đan T, sinh ngày 29/5/2020 cho chị Nguyễn Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Mai Hoàng L có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Bích N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005161 ngày 19/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã V;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thanh Tâm